

Về mối quan hệ giữa Lê Văn Duyệt và vua Minh Mạng qua quá trình tập trung quyền lực 30 năm đầu triều Nguyễn

- Trần Thuận
- Võ Phúc Toàn

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Khi thành lập vương triều, Gia Long đã duy trì nền quân chính trên lãnh thổ rộng lớn với hai đơn vị hành chính cấp thành cai quản hai vùng đất tương ứng với Bắc bộ và Nam bộ Việt Nam ngày nay. Gia Định thành, đơn vị hành chính cai quản khu vực Nam bộ, do Lê Văn Duyệt đứng đầu có vai trò hết sức quan trọng về kinh tế, quốc phòng và ngoại giao. Trong 30 năm đầu triều Nguyễn, cùng với quá trình chuyển giao quyền lực từ Gia Long sang đến Minh Mạng là sự khẳng định vị thế của Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt, khiến ông trở thành một trong những nhân vật quyền lực vào hàng bậc nhất. Tuy nhiên, sự chuyển giao

ngôi báu này cũng đánh dấu quá trình tập trung quyền lực vào tay chính quyền trung ương do hoàng đế đứng đầu và việc xóa bỏ các đơn vị hành chính có quyền lực quá lớn như Gia Định thành là một xu thế tất yếu. Quá trình này diễn ra khá phức tạp do những vấn đề nội tại xung quanh mối quan hệ giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt, mối quan hệ giữa một tân vương và một cố mệnh đại thần có quyền lực rất lớn. Bài viết mô tả sự vận động của mối quan hệ chính trị giữa hai nhân vật này trong quá trình tập trung quyền lực 30 năm đầu triều Nguyễn với một cách nhìn mới.

Từ khóa: Lê Văn Duyệt, Minh Mạng, Gia Định thành, Tổng trấn Gia Định thành, tập trung quyền lực, nhà Nguyễn

Trong lịch sử phong kiến phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, các vụ án công thần khai quốc được xem như một hiện tượng chính trị thường hay xảy ra. Tính tập trung quyền lực vào tay hoàng đế thường không cho phép tồn tại các công thần có sức ảnh hưởng quá lớn bên cạnh nhà vua. Các hoàng đế phương Đông thường triệt tiêu những người đã vào sinh ra tử giành lấy cơ đồ ngay sau khi lên được ngai vàng nếu cảm thấy quyền lực của mình và dòng họ bị đe dọa. Trường hợp của Hán Cao Tổ Lưu Bang, Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương đã trở thành một trong những ví dụ điển

hình cho hiện tượng này trong lịch sử chính trị phương Đông. Ở Việt Nam thời Lê sơ, sau khi lên ngôi hoàng đế, hàng loạt công thần khai quốc đều bị kết án như Trần Nguyên Hãn, Lê Ngân, Lê Sát,... Tuy nhiên, ở thời Nguyễn, mối quan hệ giữa Gia Long và Minh Mạng với các công thần khai quốc như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Lê Chất,... có sự khác biệt so với các triều đại trước. Và sự khác biệt đó bắt đầu từ chính những ngày bôn tẩu lập quốc của Nguyễn Ánh.

1. Từ mối quan hệ giữa giữa bộ ba Gia Long, Lê Văn Duyệt và Minh Mạng

Ngay từ thời kỳ trung hưng để có thể tập hợp được một đội ngũ đông đảo kẻ sĩ đứng vào hàng ngũ của mình, Nguyễn Ánh gặp phải rất nhiều khó khăn. Tình chính thống của Nguyễn Ánh lúc bấy giờ cũng không được xác lập ngay từ đầu bởi các lực lượng ủng hộ họ Nguyễn. Khi Tân Chính Vương lần Thái Thượng Vương bị Tây Sơn bắt giết thì Nguyễn Ánh nổi lên như người kế thừa khôi phục sự nghiệp của họ Nguyễn. Năm 1777, Đỗ Thành Nhân đưa Nguyễn Ánh lên làm tôn chủ. Được sự ủng hộ của quân Đông Sơn, năm 1780, Nguyễn Ánh xưng vương. Tuy nhiên, trong con mắt của Đỗ Thành Nhân, Nguyễn Ánh chỉ là người kế vị còn sót lại của họ Nguyễn¹ mà thôi cho nên sử cũ triều Nguyễn đã ghi lại thái độ ngạo mạn chẳng coi Nguyễn Ánh ra gì của Đỗ Thành Nhân như sau: “Thành Nhân cậy mình có công tôn phò, lòng kiêu ngạo càng tăng, quyền sinh sát cho đi lấy lại đều nằm trong tay, kinh phí trong cung thì giảm bớt đi, không chịu cung hiến, phàm bè cánh gần gũi thì tự tiện cho mang họ mình,... Vua cho là người có công vẫn ưu đãi dung thứ, thường đến thăm tận nhà, cũng không giữ lễ”². Trước thái độ ngạo mạn của Đỗ Thành Nhân, Nguyễn Ánh quyết tâm trừ khử thủ lĩnh của quân Đông Sơn để trực tiếp nắm binh quyền. Và ngay lập tức Nguyễn Ánh đã vấp phải sự phản kháng của thuộc hạ Đỗ Thành Nhân là Võ Nhân, Đỗ Bảng. Cái chết của Đỗ Thành Nhân buộc lòng Nguyễn Ánh phải tìm một thế lực quân sự khác ủng hộ mình. Trong “Gia Định tam hùng”, ngoài Đỗ Thành Nhân thì lực lượng của Châu Văn Tiếp đã sớm giương cờ “Lương sơn tá quốc” ủng hộ

¹ Theo phá hệ triều Nguyễn thì ngoài Nguyễn Ánh, tôn thất nhà Nguyễn lúc này còn có Tôn Thất Chất chết cùng năm 1776, Tôn Thất Đăng (1744 - 1786) thì không hoạt động, Tôn Thất Xuân (1759 - 1780) chạy sang Xiêm với Mạc Thiên Tứ và mắc nạn ở đây, Tôn Thất Thăng thì ở Huế (Theo Tạ Chí Đại Trường (2012), *Lịch sử nội chiến Việt Nam từ 1771 - 1802*, Nxb. Tri thức, tr. 86). Người anh của Nguyễn Ánh là Nguyễn Phúc Đồng chết cùng với Định Vương, hai người em Nguyễn Phúc Mân, Nguyễn Phúc Điền đều tử nạn vào năm 1783 (Theo Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb. Thuận Hóa, tr. 224 - 225).

² Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục (ĐNTL)*, tập 1, Nxb. Giáo dục, tr. 209.

Nguyễn Ánh chỉ còn Võ Tánh đang hùng cứ ở Gò Công. Từ năm 1784, quân đội Võ Tánh là lực lượng duy nhất dần trận đánh quân Tây Sơn ở Gia Định trong khi Nguyễn Ánh đang bôn tẩu ở Xiêm La. Vì vậy, có thể thấy tính độc lập của đội quân Võ Tánh rất cao, chống Tây Sơn nhưng cũng không đầu chúa Nguyễn. Và điều đó cũng phản ánh rằng các lực lượng chống Tây Sơn ở Gia Định vẫn chưa thể thống nhất dưới ngọn cờ của Nguyễn Ánh. Năm 1787, trước khi mang quân đồ bộ giành lại Gia Định, Nguyễn Ánh có gợi ý hợp quân Võ Tánh, nhưng vị võ tướng này đã từ chối. Phải đến tháng 4 năm 1788, Võ Tánh, lúc này đã kiểm soát được một khu vực rộng lớn ở Gò Công, mới đầu quân theo chúa Nguyễn. Ta thấy sự vui mừng khôn xiết của Nguyễn Ánh được *Đại Nam thực lục* (gọi tắt là *Thực lục*) nhắc đến khi thu phục được vị võ tướng này: “vua được Tánh mừng lắm, trao cho chức *Khâm sai Tổng nhung Chương cơ dinh Tiên Phong*, rồi đem trưởng Công chúa Ngọc Du gả cho”³.

Qua các chi tiết trên cho thấy lực lượng của Nguyễn Ánh được xây dựng dựa trên lòng trung thành của viên chủ tướng với chúa Nguyễn chứ không phải sự ràng buộc về mặt quyền lực. Để tạo điều kiện cho việc huy động binh lính, Nguyễn Ánh cho phép chư tướng được quyền mộ lính lập quân đội riêng cho mình. Chính sách này thời kỳ đầu tỏ ra hiệu quả khi quân đội Gia Định còn gặp nhiều khó khăn bởi sự thiếu hụt lực lượng, nhưng nó cũng góp phần tạo tính độc lập tương đối của các đội quân với vị Tổng chỉ huy là Nguyễn vương. Nguyễn Ánh ý thức được những khó khăn của một hoàng tử xứ Thuận Quảng phải đối mặt trên con đường gầy dựng lại cơ đồ trên đất Gia Định nên đã rất khéo léo để đảm bảo sự cân bằng giữa các nhóm quyền lực, các lực lượng dưới ngọn cờ của ông. Nguyễn Ánh mở cơ hội phát triển cho những người có tài năng bất kể địa vị xã hội của họ. Do đó ta thấy sự đa dạng về thành phần xã hội trong lực

³ ĐNTL, tập 1, Sđd, tr. 232.

lượng của Nguyễn Ánh: một người Khmer trở thành chỉ huy đồn Uy Viễn như Nguyễn Văn Tồn, một quan nội thuộc như Lê Văn Duyệt trở thành tướng cầm quân, một Nguyễn Văn Trương chặn trầu từ nhỏ bỏ quân đội Tây Sơn để về với Nguyễn Ánh,...

Nhìn chung, mối quan hệ giữa Nguyễn Ánh với các thuộc hạ của mình được xây dựng từ những ngày “ném mật, nằm gai”, không phải là một mối quan hệ thứ bậc quân thần câu nệ tiểu tiết. Mối quan hệ đó dựa trên cơ sở của lòng trung thành cá nhân đối với Nguyễn Ánh, người được coi là lãnh đạo quân binh hơn là lòng trung thành chính thống với một vị hoàng tử trước đây của họ Nguyễn⁴.

Xuất phát từ thực tế đó mà mối quan hệ giữa Gia Long với Lê Văn Duyệt, một trong những cận thần theo Nguyễn Ánh từ những ngày đầu, mấy lần cùng sang Xiêm, ra Phú Quốc, bốn tầu khắp nơi, là mối quan hệ hết sức đặc biệt. Giữa Lê Văn Duyệt và Nguyễn Ánh không chỉ có cái nghĩa quân thần mà còn có nghĩa “sanh tử chi giao”. Gia Long biết Lê Văn Duyệt là người trung thành nhưng lại thẳng thắn và cố chấp, nên đối với ông có sự biệt đãi. Sử cũ ghi lại năm 1803, “*phát chư quân khắp kinh thành. Duyệt tâu rằng: “Trước ở Gia Định truyền dụ tướng sĩ hẹn rằng lấy lại Kinh thành lập tức cho quân về nghỉ ngơi, nay Kinh thành đã lấy lại, Bắc Hà đã định, hoặc chuyển đi thu thành trấn, hoặc lưu khắp Kinh thành, liền mấy năm chưa về thì đối với tính lệnh của triều đình làm sao? Đối với nhân tâm Gia Định làm sao?”*. Vua dụ rằng: *Tướng sĩ khó nhọc đã lâu, trăm vẫn thương, nhưng Kinh thành là trọng địa căn bản, tất phải khó nhọc một lần, mới được nhàn rồi lâu. Duyệt cố chấp cho là không nên. Vua phải hiểu dụ đến hai ba lần*”⁵. Thực lục không cho ta biết Nguyễn Ánh đã dùng biện pháp gì để có thể làm Lê Văn Duyệt thay đổi ý kiến trong chuyện này nhưng qua đó cho thấy trong mối quan hệ với Lê Văn Duyệt, Gia Long không dùng

uy quyền của một vị đế vương để khuất phục mà phải “hiểu dụ đến hai ba lần”. Không chỉ trong chuyện công, Gia Long cũng rất quan tâm đến việc gia đình của vị trọng thần này như năm 1803, cha Lê Văn Duyệt là Lê Văn Toại từ Gia Định vào châu, vua Gia Long hỏi han an ủi hồi lâu và “*sai lấy con của em Duyệt là Tả doanh Đô Thống chế Phong tên là Yên làm con nối cho Duyệt, vua dụ rằng con anh em cũng như con mình, Duyệt có con nối đời rồi*”⁶.

Vị trí của Lê Văn Duyệt không chỉ được củng cố dưới triều Gia Long mà còn trong cả triều đại tiếp theo của vua Minh Mạng. Mối quan hệ chính trị giữa Gia Long, Lê Văn Duyệt và Minh Mạng bắt đầu từ việc chọn người kế vị Gia Long. Trong vấn đề này, nội bộ triều đình nhà Nguyễn đã có sự phân hóa sâu sắc. Một bên là các đại thần huân cựu do Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt đứng đầu mong muốn chọn hoàng tôn Nguyễn Phúc Đảm (tức Mỹ Đường), con trai trưởng của hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh quá cố để tỏ dòng chính theo nguyên tắc đích tôn thừa trọng. Nhưng chủ ý của vua Gia Long là chọn người con lớn tuổi để có thể nắm vương quyền trong tay. Ông không muốn người kế vị mình lại rơi vào cái thế ấu chúa bị đại thần ức hiếp. Hơn nữa, bấy giờ người Pháp đang tỏ rõ ý đồ đòi Gia Long phải trả “món nợ” với Pháp thời đánh Tây Sơn. Gia Long đã nhận rõ nguy cơ đe dọa từ người Pháp. Do đó theo ông, người kế vị phải có đủ bản lĩnh để trả “món nợ” này một cách khéo léo mà không ảnh hưởng đến vận mệnh đất nước.

Quốc sử di biên cho biết, Lê Văn Duyệt đã bày tỏ mong muốn lập hoàng tôn Đảm lên ngôi trừ nhị tử rất sớm vào năm 1810, nhưng vua Gia Long không đồng ý⁷. Từ trước đến nay nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Lê Văn Duyệt chống lại sự lên ngôi của Minh Mạng nên dẫn đến mâu thuẫn gay gắt giữa Lê Văn Duyệt và Minh Mạng và mới có cái án của Lê

⁴ Choi Byung Wook (2011), *Vùng đất Nam bộ thời Minh Mạng*, Nxb. Thế giới, tr. 55.

⁵ *ĐNTL*, tập 1, Sdd, tr. 446.

⁶ *ĐNTL*, tập 1, Sdd, tr. 446.

⁷ Phan Thúc Trực (2009), *Quốc sử di biên*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, tr. 108.

Văn Duyệt về sau. Nhưng theo chúng tôi, vấn đề này chỉ có thể là một giả thuyết trong quá trình nghiên cứu mối quan hệ giữa Gia Long - Lê Văn Duyệt - Minh Mạng. Việc Lê Văn Duyệt muốn lập hoàng tôn Đán lên ngôi Thái tử có thể bắt nguồn từ nguyên tắc đích tôn thừa trọng, muốn lập dòng chính của xã hội phong kiến đương thời, mang tính truyền thống phương Đông. Nhưng cũng không thể loại trừ khả năng là xuất phát từ tình cảm của Lê Văn Duyệt với hoàng tử Cảnh. Hoàng tử Cảnh mới 6 tuổi đã phải xuất dương vì sự nghiệp của Nguyễn Ánh, mười ba tuổi được phong Nguyên soái quốc công, nắm quyền Tả quân dinh. Lúc này Lê Văn Duyệt vẫn còn thuộc về Tả quân dinh theo phò “Đông cung”. Từ đó hoàng tử Cảnh cùng chư tướng chinh chiến lập được nhiều công trạng nhưng chẳng may do bệnh đậu mùa mà mất năm 22 tuổi không được hưởng cảnh thái bình sau bao nhiêu năm loạn lạc. Cho nên từ năm 1810, lúc Lê Văn Duyệt muốn lập hoàng tôn Đán, cho đến năm 1816, lúc hoàng tử Đảm được chọn làm người kế vị Gia Long, cũng đủ thời gian để Lê Văn Duyệt có thể thay đổi ý kiến của mình⁸.

Nếu đặt hành động và thái độ của Lê Văn Duyệt về vấn đề sách lập Thái tử bên cạnh một nhân vật quyền lực khác của triều Nguyễn lúc bấy giờ là Nguyễn Văn Thành ta sẽ thấy rõ sự thay đổi này của Lê Văn Duyệt. So về vị thế và uy quyền tại triều đình, Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt là những huân cựu đại thần vào hàng bậc nhất, cả hai đều đứng đầu tại hai trấn Bắc Thành và Gia Định thành. Hai vị huân cựu đại thần này ban đầu cùng có ý tôn phù hoàng tôn Đán, nhưng xét về mức độ Nguyễn Văn Thành có phần quyết liệt hơn. Năm 1814, Thừa Thiên Cao hoàng hậu, mẹ của hoàng tử Cảnh mất, vua Gia Long mong muốn hoàng tử thứ tư Phúc Đảm (con của Thuận Thiên Cao hoàng hậu, mất sớm) đứng chủ tang. Nhưng Nguyễn Văn

Thành cho rằng, vấn đề khó nói nên để hoàng tôn Đán thì hợp lẽ hơn. Gia Long không đồng tình bảo con vâng mệnh cha để tế mẹ, danh chính ngôn thuận có gì khó⁹, Nguyễn Văn Thành không bàn luận nữa nhưng tỏ ý không thuận. Biết ý Thành muốn lập hoàng tôn Đán làm Thái tử, có một lần Gia Long gọi Nguyễn Văn Thành ra hỏi: “*Cháu Đán còn bé, trong các con ta người nào nên lập làm Thái tử, Thành tâu rằng đích tôn thừa trọng theo lẽ thế là phải, nay bệ hạ muốn chọn người khác thì biết con chẳng ai bằng cha, việc ấy tôi không dám dự biết*”¹⁰. Thậm chí Nguyễn Văn Thành còn mời cả triều thần họp riêng ở nhà mình để cùng nhau tôn lập hoàng tôn Đán lên ngôi Thái tử¹¹. Như vậy, nếu Gia Long muốn đảm bảo ngôi Thái tử của hoàng tử Đảm vững chắc thì phải tạo được sự ủng hộ từ triều thần, trong trường hợp này, Nguyễn Văn Thành là trở ngại lớn nhất. *Thực lục* cho biết, tháng 4 năm 1816, Nguyễn Văn Thành bị tước hết binh quyền do vụ án của Nguyễn Văn Thuyên, không được tham dự triều chính, thì tháng 6 năm ấy, Gia Long đã sách phong hoàng tử Đảm làm Thái tử¹². Điều này rất có thể không phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, hơn nữa, ta biết, người được giao xử lý triệt để vụ án cha con Nguyễn Văn Thành không ai khác mà chính là Lê Văn Duyệt¹³. Vấn đề đặt ra là, nếu

⁹ *ĐNLT*, tập 2, Sdd, tr. 438.

¹⁰ *ĐNLT*, tập 2, Sdd, tr. 438.

¹¹ *ĐNLT*, tập 2, Sdd, tr. 438.

¹² *ĐNLT*, tập 1, Sdd, tr. 924 - 927.

¹³ Có thể nói, trong vụ án này sự can dự của Lê Văn Duyệt là không nhỏ khi chính ông là người tố giác bài thơ có ý “bội nghịch” của Nguyễn Văn Thuyên, con trai của Nguyễn Văn Thành với nhà vua vào năm 1815 (*ĐNLT*, tập 1, Sdd, tr. 914). Đến năm 1816, *Liệt truyện* cho biết “*một hôm vua bãi chầu vào nhà trong, Thành đến thẳng năm áo vua ngăn lại khóc rằng: Tôi tự lúc bé lớn lên đi theo bệ hạ cho đến ngày nay, vốn không có tội gì, nay bèn bị người bịa đặt để hãm vào tội, bệ hạ ngồi trông cho chúng giết tôi không giải cứu tí nào à? Nguyễn Đức Xuyên hét to rằng: Người có tội hay không có tội đã có công nghị ở trên triều đình, sao được vô lễ, lui xuống ngay. Từ đấy cấm Thành không được vào chầu*” (*ĐNLT*, tập 1, Sdd, tr. 439). Vụ án cha con Nguyễn Văn Thành phát ra đã lâu mà chưa có kết quả, Gia Long giao cho Lê Văn Duyệt thẩm án. Đến đầu năm 1817, Nguyễn Văn Thành tử tự để lại một bản sơ trần tình đầy thương tâm, trong đó có câu “*sớm rên tới đức đặt thành sự cực ác cho cha con tôi, không tố cáo vào đầu được, chỉ chết đi mà thôi*” (*ĐNLT*, tập 1, Sdd, tr. 440).

⁸ R. B. Smith, “Politics and Society in Viet-Nam during the Early Nguyen Period (1802-62)”, tạp chí *Journal of the Royal Asiatic Society of Great Britain and Ireland*, No. 2 (1974), tr. 154.

Nguyễn Văn Thành bị kết án sẽ là một tổn thất lớn cho phe nhóm tôn phù hoàng tôn Đán nhưng tại sao Lê Văn Duyệt có thể tố giác một người đồng quan điểm muốn tôn phù hoàng tôn Đán với mình như Nguyễn Văn Thành? Thêm nữa, năm 1824, khi Lê Văn Duyệt đứng ra tố cáo vụ án của mẹ con hoàng tôn Đán và Tổng Thị Quyên (vợ của Đông cung Cảnh đã quá cố)¹⁴ thì cùng đồng nghĩa với việc là Lê Văn Duyệt chấm dứt vị trí trong hoàng tộc của hoàng tôn Đán; triệt đi mối nguy hại đến tính chính thống của hoàng tử Đam, lúc này đã là hoàng đế Minh Mạng. Như vậy, có thể thấy rõ sự vận động trong mối quan hệ giữa Lê Văn Duyệt và việc lên ngôi của hoàng tử Đam. Ban đầu (năm 1810) Lê Văn Duyệt tỏ thái độ không đồng tình, muốn tôn phù hoàng tôn Đán nhưng rồi, qua bản án của Nguyễn Văn Thành và bản án của mẹ con hoàng tôn Đán sau này khiến ta tin rằng ông đã có sự thay đổi chính kiến của mình, muộn lắm là vào năm 1816. Thậm chí có thể nói Lê Văn Duyệt đã có công trạng lớn trong việc dập tắt các phe phái ủng hộ hoàng tôn Đán, củng cố thêm ngai vàng của vua Minh Mạng

Vai trò của Lê Văn Duyệt càng được thể hiện rõ hơn khi trước giờ lâm chung, Gia Long cho triệu hai đại thần Lê Văn Duyệt và Phạm Đăng Hưng vào nhận di chiếu phò tá hoàng đế mới. Lê Văn Duyệt được Gia Long ban cho quyền chỉ huy 5 doanh Thần sách. Điều này cho thấy, Gia Long rất muốn ngai vàng của hoàng tử Đam phải được đảm bảo và

người có thể làm việc đó lúc này chỉ có thể là Lê Văn Duyệt. Và đến thời điểm này Lê Văn Duyệt đã trở thành một đại thần quyền uy bậc nhất của triều Nguyễn.

Bên cạnh vấn đề lên ngôi của Minh Mạng, nhiều nhà nghiên cứu trước đây còn cho rằng một trong những lý do khiến Minh Mạng không ưa Lê Văn Duyệt là do ông đã chém đầu cha vợ của mình là Phó Tổng trấn Gia Định thành Huỳnh Công Lý vào năm 1820¹⁵. Nhưng, chính *Thực lục* cho biết: “*Phó Tổng trấn Huỳnh Công Lý tham lam trái phép bị quân dân tố giác hơn 10 tội. Lê Văn Duyệt đem việc tâu lên. Vua bảo Nguyễn Văn Nhân và Nguyễn Đức Xuyên rằng: “Không ngờ Công Lý quá đến thế, công trạng nó có gì bằng các khanh, duy nhờ Tiên đế cất nhắc, ngôi đến Phó Tổng trấn, lộc nước an vua, thật không phải bạc, thế mà bóc lột tiểu dân, làm con một nước. Nay tuy dùng phép buộc tội, nhưng dân đã khôn khổ rồi”.* (Vua) Sai đình thần hội bàn. Điều nói “*Công Lý bị người kiện, nếu triệu về Kinh để xét, tất phải đòi nhân chứng đến, không bằng để ở Thành tra xét sẽ tiện hơn. Vua cho là phải bèn hạ Công Lý xuống ngục, sai Thiêm sự Hình bộ Nguyễn Đình Thịnh đến hội với tào thần mà tra xét hỏi*”¹⁶. Như vậy, có thể nói bản án Huỳnh Công Lý là do triều thần đình nghị cho tra xét án ấy ở thành Gia Định không cần giải về kinh. Và ta thấy trong vụ án này, Minh Mạng đã rất công tâm, bắt kể Huỳnh Công Lý xếp vào hàng ngoại thích của nhà vua. Chúng ta đều biết, Minh Mạng nổi tiếng là người chấp pháp nghiêm minh, muốn duy trì kỷ cương pháp độ, ngay đến các hoàng đệ của ông vi phạm phép nước đều bị nghiêm trị. Tội tham ô những nhiều dân thời Nguyễn được xử lý rất nặng. Cho nên, việc Lê Văn Duyệt xử trảm Huỳnh Công Lý là đã được triều đình nghị án cho phép được thi

¹⁴ Sách Đại Nam thực lục ghi chép sự kiện này như sau: “Trước có người cáo Mỹ Đường là người dâm dật, thông gian với mẹ đẻ là Tổng Thị Quyên. Lê Văn Duyệt đem việc tâu kín. Vua sai bắt Thị Quyên giao cho Lê Văn Duyệt đim chết mà cấm Mỹ Đường không được châu hầu”. Sách Đại Nam chính biên liệt truyện cũng ghi: Năm Minh Mạng thứ năm (1824), có người bí mật tố cáo rằng Mỹ Đường thông dâm với mẹ ruột là Tổng thị. Tổng thị vì thế bị đim nước cho chết, còn Mỹ Đường thì phải giao trả hết án tìn, đồng thời bị giáng xuống làm thứ dân, con trai con gái chỉ được biên chép phụ ở phía sau số tôn thất. Năm Minh Mạng thứ bảy (1826), Mỹ Thùy lại bị quân lính ở đạo Dục Chân kiện, sắp bị đưa cho đình thần nghị tội thì Mỹ Thùy bị bệnh mà mất, lúc ấy chưa có con cái gì. Vua cho lấy con trưởng của Mỹ Đường là Lê Chung, tập phong làm ứng Hòa Hầu để lo việc phụng thờ Anh Duệ Hoàng Thái Tử (tức Hoàng tử Cảnh)...

¹⁵ Sách Tả quân và Minh Mạng của Lê Đình Chân và một số sách khác cho rằng Lê Văn Duyệt đã dùng quyền “tiền trảm hậu tấu” cố tình chém đầu Huỳnh Công Lý trước khi chiếu chỉ nhà vua đến, thậm chí Lê Văn Duyệt còn ngạo mạn muối đầu Huỳnh Công Lý gửi ra triều đình Huế như một sự thách thức Minh Mạng.

¹⁶ ĐNTL, tập 2, Sdd, tr. 93.

hành tại Gia Định thành chứ không phải tự ý, chuyên quyền như nhiều người vẫn nghĩ.

Có thể thấy, mối quan hệ giữa Lê Văn Duyệt và các vua Gia Long, Minh Mạng là mối quan hệ giữa các hoàng đế đầu tiên của một triều đại mới được dựng lên với một vị huân cựu đại thần đầy uy quyền, khảng khái nhưng hết sức trung thành với nhà vua, tận trung với đất nước. Gia Long và cả Minh Mạng đều nhận thấy sự tận tụy vì triều đình, không kể khó nhọc của Lê Văn Duyệt và triều đình này cũng cần có một người như Lê Văn Duyệt để có thể giữ trọng trách ở phương Nam, uy trấn với lân bang. Dù Lê Văn Duyệt là võ tướng, nhiều lúc không rõ điển chế, trong lễ quân thần có nhiều chỗ còn sơ suất, nóng nảy nhưng đều được châm chước cho qua. Minh Mạng thường nói với Trần Văn Năng, Tổng Phước Lương rằng: *“Người nói Lê Văn Duyệt xuất tích cương lệ, nay trẫm xem ra thì Duyệt trung thuận, nghĩa thờ vua vẫn giữ được, những tính bình nhật cương lệ đều rửa sạch hết, không ngờ tuổi già lại hay tu tỉnh đến thế. Vua lại tặng thêm cho cha Duyệt là Toại hàm Đô thống chế nhất phẩm, mẹ là Nguyễn thị làm nhất phẩm phu nhân”*¹⁷.

Qua đó cho thấy những giả thuyết về những xung đột mang tính cá nhân giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt xoay quanh việc lên ngôi của Minh Mạng hay bản án của Huỳnh Công Lý là không có cơ sở thuyết phục. Thực tế lịch sử là cho thấy Minh Mạng đã hết sức ưu ái và tin tưởng với vị đại thần của mình. Nhiều lần Minh Mạng đã dành cho Lê Văn Duyệt những biệt đãi mà không phải vị đại thần nào cũng có được.

2. Đến xu thế tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương thời Minh Mạng và giải thể Gia Định thành

Từ phân tích sự vận động của mối quan hệ giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt trong các nội dung trên đã cho thấy, việc Minh Mạng tiến hành giải thể

Gia Định thành không phải xuất phát từ những xung đột mang tính cá nhân mà là xuất phát từ sự xung đột của hai xu thế. Một xu thế muốn tập trung quyền lực vào tay chính quyền trung ương, xây dựng một chế độ theo điển lễ Nho giáo do Minh Mạng đứng đầu. Và xu thế còn lại mà đại diện là những huân cựu đại thần, công thần khai quốc hàng đầu, những con người của một thời loạn lạc đang nắm giữ trọng trách tại địa phương như Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Nguyễn Văn Thành,...

Do tình hình đất nước sau ngày thống nhất gặp phải nhiều vấn đề khiến cho Gia Long không thể đi quá xa trong việc tập trung quyền hành, sợ gây phản ứng tại các địa phương còn có nhiều sự khác biệt giữa Bắc Hà, Thuận Quảng và Nam Hà. Việc duy trì một nền quân chính với hai trọng trấn có quyền lực rất lớn là Bắc thành và Gia Định thành là một giải pháp nhằm ổn định tình hình đất nước sau 200 năm chiến tranh loạn lạc. Mô hình quản lý nhà nước này cũng đã phát huy vai trò của mình trong buổi đầu thiết lập vương triều. Nhưng càng về sau, khi triều đình trung ương ngày càng được củng cố thì mô hình này lại bộc lộ nhiều hạn chế, nhất là khi chính quyền ở Gia Định thành và Bắc thành có quyền lực quá lớn, uy hiếp quyền lực của chính quyền trung ương. Do đó, việc thiết lập nền hành chính tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương, giảm quyền lực ở địa phương là một xu thế tất yếu trong việc quản lý đất nước. Vấn đề đặt ra cho triều đình Minh Mạng lúc này là phải xây dựng một chính quyền trung ương thật vững mạnh để có thể quản lý một đất nước rộng lớn như Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX và thống nhất quản lý hành chính trong cả nước, nói cách khác là phải xóa bỏ hai đơn vị hành chính Gia Định thành và Bắc thành vốn do các khai quốc công thần nắm giữ.

Trừ Nguyễn Văn Thành là người tinh thông lễ nghĩa, tổng tài của *Hoàng Việt luật lệ* thì đa phần các công thần đều là hàng võ tướng. Thời loạn thế thì họ được trọng dụng, nhưng nay nước nhà đã hòa bình, thống nhất, việc có những công thần khai

¹⁷ DNLT, tập 1, Sdd, tr. 460.

quốc, có uy quyền lớn như Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Lê Chất... bên trong triều đình là một trở ngại lớn. Đồng thời, mâu thuẫn giữa hai lực lượng văn quan xuất hiện sau khi thiết lập vương triều và những võ tướng có công khai quốc như Lê Văn Duyệt cũng bắt đầu hình thành. Lực lượng văn quan này bước lên chính trường sau cuộc chiến Tây Sơn và Nguyễn Ánh, được đào tạo theo Nho học với mong muốn xây dựng triều đình theo đúng điển lễ của Nho gia. Minh Mạng cũng muốn xây dựng một nhà nước theo đúng hình mẫu của Thiên triều Trung Hoa để rõ một nước văn hiến ở phương Nam. Do đó những văn quan này sẽ không hiểu được mối quan hệ của những con người đã từng vào sinh ra tử cùng với Gia Long thời lập quốc vốn quen sự thẳng thắn, chẳng hề câu nệ lễ quân thần. Chính Lê Văn Duyệt và Lê Chất cũng cảm thấy ngột ngạt trong triều đình đầy quy củ của Minh Mạng. Sách *Thực lục* cho biết, “*Năm ấy (1824) Duyệt cùng Bắc thành Tổng trấn Lê Chất vào chầu vua. Chất nói với Duyệt rằng bây giờ triều đình nắm cả quyền cương mở mang trăm việc, tiến dùng văn thân, tác thành chính trị, lũ ta đều là võ biên, xuất thân chỉ biết thẳng lòng làm ngay, hoặc sai lễ pháp; tự điển lúc thái bình khác với lúc mới dựng triều đình, chả gì bây giờ ta dâng biểu xin thôi việc hai thành, lưu kinh để chầu hầu may ra không có lỗi gì. Duyệt nói rằng thế cũng hợp ý ta. Ngày hôm sau bèn dâng sớ xin nộp trả ấn vụ Tổng trấn hai thành*”¹⁸. Nhưng vua Minh Mạng lại không đồng ý, ra sức an ủi, vẫn cho tiếp tục nắm quyền hai thành như cũ. Có lẽ, Minh Mạng không muốn giải thể hai thành vào lúc này vì ông còn đang tích cực chuẩn bị cho một cuộc thay đổi lớn lao trong cả nước.

Trong hai mươi năm trị vì của mình, Minh Mạng đã biến Huế trở thành một trung tâm quyền lực thực sự của cả nước. Vai trò của Văn thư phòng, văn phòng của nhà vua được phát triển. Năm 1829,

Minh Mạng đổi tên Văn thư phòng thành Nội các¹⁹. Ngay từ khi mới lên ngôi, Minh Mạng đã dần dần tiến hành cải cách hệ thống chính quyền địa phương²⁰. Có thể nói Minh Mạng đã có những cải cách mạnh mẽ để tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương nhằm khắc phục những hạn chế do lịch sử để lại trong việc xây dựng mô hình nhà nước. Do đó việc xóa bỏ hai đơn vị hành chính có quyền lực quá lớn sẽ chỉ là vấn đề thời gian. Đối với Bắc thành sau cái chết của Lê Chất (1826), việc quản lý Bắc thành của triều đình Huế có phần thuận lợi hơn so với Gia Định thành nơi có Lê Văn Duyệt đang trấn nhậm. Ngay cả với Bắc thành thì cũng phải đến năm 1831, Minh Mạng mới xóa bỏ đơn vị hành chính này mà chia thành các tỉnh, điều đó cho thấy sự cẩn trọng của Minh Mạng trong việc cải cách nền hành chính đương thời cũng như xử lý các di sản lịch sử từ thời Gia Long để lại.

Trong lịch sử vương triều Nguyễn, Gia Định thành là một đơn vị hành chính có vai trò hết sức

¹⁹ Nội các triều Minh Mạng gồm 4 phòng: Thượng bảo, Thừa vụ, Bí thư, Biểu bạ. Cơ mật viện cũng được thành lập năm 1834 để phụ trách các việc quốc gia trọng đại. Bộ phận này giữ con dấu và các văn khố của nhà nước, báo cáo của chính quyền các địa phương. Cơ mật viện gồm 4 quan đứng đầu dân sự và quân sự, thường được gọi là tứ trụ triều đình vinh hàm Đại học sĩ (Đông Các điện Đại học sĩ, Văn Minh điện Đại học sĩ, Võ Hiến điện Đại học sĩ, Cần Chánh điện Đại học sĩ) cùng nhiều thư ký, được phân thành hai phòng: phòng phía Bắc phụ trách các mối quan hệ với các nước phía Bắc (chủ yếu là Trung Quốc) và các vấn đề liên quan đến phần phía Bắc sông Gianh; phòng phía Nam có trách nhiệm về các tỉnh từ Quảng Bình đến Gia Định và quan hệ ngoại giao với các nước phía Nam (Châu Lạp, Xiêm). (Kỷ yếu hội thảo *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn*, Nxb. Thế giới, tr. 381; Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới, tr. 406).

²⁰ Minh Mạng đã ban hành một quy chế riêng cho kinh đô Huế khi tách ra Huế ra khỏi đất Kinh kỳ gồm 4 dinh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức và Quảng Nam. Từ năm 1822, Minh Mạng cho đổi Quảng Đức dinh làm Thừa Thiên phủ, giao cho viên Kinh thành Đề đốc trông coi mọi việc quân dân, có một Phủ doãn và Phủ thừa giúp việc. Tại Thừa Thiên chia làm hai ty Tả thừa và Hữu thừa. Đứng đầu hai cơ quan này là Thông phán và Kinh lịch. Đến năm Minh Mạng thứ 7 (1826), đổi các dinh trực thuộc triều đình cai quản thành “trấn”, gồm trấn Quảng Bình, trấn Quảng Trị, trấn Quảng Nam. Từ đây trở đi trên cả nước chỉ thống nhất một đơn vị hành chính địa phương là “trấn” chứ không còn là dinh, đạo như trước đây. Nếu tính tới năm 1826 thì cả nước có 26 trấn và một phủ Thừa Thiên (Theo Nguyễn Minh Tường (1996), *Cải cách hành chính dưới thời Minh Mệnh (1820 - 1840)*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 120).

¹⁸ *DNL*, tập 1, Sdd, tr. 459.

quan trọng trong vấn đề an ninh quốc phòng ở khu vực phía Nam và ngoại giao với các nước lân bang. Dưới thời Lê Văn Duyệt, Gia Định thành trở thành một trọng trấn hết sức đặc biệt. Trong nhãn quan của mình, Lê Văn Duyệt đã phớt lờ nhiều chính sách về kinh tế, tôn giáo của chính quyền trung ương để đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của Gia Định thành²¹. Điều đó là hết sức có lợi cho nhân dân Gia Định nhưng lại trở thành một trở ngại cho quá trình tập trung quyền lực dưới thời Minh Mạng. Một vị tổng trấn có quyền hành quá lớn lại là cố mệnh đại thần, nhận di chiếu của tiên đế, tính tình cương trực, phớt lờ quy định của triều đình sẽ là cái gai trong mắt của nhiều người. Nhưng triều đình không thể dùng sức mạnh để giải tán Gia Định thành vì rất có thể dẫn đến bạo loạn khi trong tay vị Tổng trấn còn có binh quyền rất lớn. Do đó, Minh Mạng đã hết sức khôn khéo khi dần dần loại bỏ tay

chân của Lê Văn Duyệt, xóa bỏ dần đặc quyền của Tổng trấn Gia Định thành, chuẩn bị cho một cuộc đổi thay lớn sắp sửa xảy ra.

Năm 1828, Trần Nhật Vĩnh thuộc hạ của Lê Văn Duyệt từng bị buộc tội phạm pháp, phải đến Bắc thành nhận nhiệm vụ mới và ít lâu sau bị tống giam. Lê Văn Duyệt đã cố gắng bảo vệ thuộc hạ cũ của mình nhưng đành bất lực vì Trần Nhật Vĩnh đã không thuộc quyền do ông quản lý²², và Nguyễn Khoa Minh một trong những cận thần của Minh Mạng được thay thế vị trí của Trần Nhật Vĩnh ở Gia Định. Đó là dấu hiệu cho thấy từ lúc đó các vị trí ở Gia Định thành sẽ không còn do Tổng trấn quyết định mà sẽ do Minh Mạng nắm giữ mỗi khi có khuyết vị trí nào đó.

Tiếp theo là sự thay đổi nhân sự nắm quyền bảo hộ Chân Lạp. Trước đây việc bảo hộ Chân Lạp, tiếng nói của Tổng trấn họ Lê rất được Minh Mạng nghe theo, nhưng sau cái chết của Bảo hộ Nguyễn Văn Thoại (người thân tín của Lê Văn Duyệt từ ngày còn theo Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn) vào năm 1829, thì mọi chuyện đã khác. Với vị trí là Tổng trấn Gia Định thành, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý việc bảo hộ Chân Lạp, Lê Văn Duyệt đã đề xuất Phó tướng Hữu quân Nguyễn Văn Xuân, một đồng sự của ông, nhưng đã bị Minh Mạng từ chối. Minh Mạng phong cho Thống chế Nguyễn Văn Tuyên làm Bảo hộ, Án thủ thành Châu Đốc kiêm lĩnh Biên vụ Hà Tiên và lấy Tả tham tri Binh bộ là Bùi Đức Minh làm Hiệp đồng bảo hộ²³. Như để xoa dịu vị Tổng trấn khi bị bác đi ý kiến về đề cử người làm Bảo hộ Chân Lạp, Minh Mạng đã hỏi ý kiến Lê Văn Duyệt về việc dùng Tổng Văn Uyển và Trần Chấn trong việc bảo hộ và lần này thì Minh Mạng nghe theo lời vị Tổng trấn. Qua đó ta thấy, Minh Mạng đã có sự tính toán trong việc cử Bùi Đức Minh làm Hiệp đồng bảo hộ Chân Lạp với ý định kiểm soát việc bảo hộ và giảm bớt sức ảnh hưởng của Tổng trấn Gia Định thành trong vấn đề quan

²¹ Sử triều Nguyễn ghi chép sự ưu ái của Lê Văn Duyệt với người Hoa trong vấn đề thuế khóa. Thông thường những người mới tới phải đăng ký là cùng cố hoặc vô vật lực thì mới được miễn đóng thuế. Gia Định thành đề nghị với triều đình năm 1827 nên đánh thuế 6.5 quan mỗi Thanh nhân bình thường và miễn thuế cho Thanh nhân trắng tay nhưng bị Minh Mạng bác bỏ. Minh Mạng cho rằng về nguyên tắc người Hoa nhập cư phải đóng thuế đầy đủ. Những người rất nghèo phải đóng nửa mức thuế trong 3 năm, sau đó phải đóng đầy đủ. Nhưng chi dụ này của Minh Mạng đã bị chính quyền Gia Định thành phớt lờ. Mãi đến năm 1830, khi Minh Mạng ngày càng can thiệp sâu vào Nam bộ thì mới áp dụng điều này. Ở Hà Tiên, mức thuế đánh vào Thanh nhân tăng gấp 3 lần (Theo Choi Byung Wook (2011), Sdd, tr.134-135). Hay về vấn đề Công giáo, giữa chính quyền Gia Định thành và chính quyền trung ương cũng có sự khác biệt. Vua Minh Mạng đã không ngăn ngại công bố dụ cấm đạo lần thứ nhất vào năm 1825 như sau: “Đạo rối của người Tây làm mê hoặc lòng người. Lâu nay nhiều chiếc tàu đến buôn bán và đưa những giáo sĩ Gia Tô vào nước ta. Giáo sĩ ấy làm tà hại nhân tâm, phá hoại mỹ tục, thiệt là mối hại lớn cho nước nhà. Bởi vậy trẫm phải lo trừ tuyệt những tình tệ đó, hầu giữ gìn dân ta không làm chính đạo” (Theo Nguyễn Thế Anh (2007), *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, tr.260). Minh Mạng ra lệnh đóng cửa các giáo đường, cấm ngặt các nhà truyền đạo lén lút vào trong nước và kiểm soát gắt gao các thuyền bè vào nước ta. Đó là chính sách hạn chế Công giáo được thực thi trên cả nước thời Minh Mạng nhưng trừ Gia Định thành. Các giáo sĩ tìm đến vùng đất Gia Định của Lê Văn Duyệt người mà họ tin tưởng coi như nhà bảo hộ cho tôn giáo của mình. Như trường hợp giáo sĩ Pháp Régereau bị bắt giữ theo sắc lệnh năm 1825 nhưng ông đã trốn vào Gia Định sinh sống bình thường tại đây cho đến năm 1831 (Theo Phan Phát Huân (1965), *Việt Nam giáo sử*, Cứu thế tùng thư, Sài Gòn, tr.279).

²² Choi Byung Wook (2011), Sdd, tr. 141.

²³ DNLT, tập 2, Sdd, tr. 866.

trọng này. Nhưng sự cân bằng giữa Lê Văn Duyệt và Bùi Đức Minh nhanh chóng bị phá vỡ khi Minh Mạng phong cho Bùi Đức Minh chức Bình bộ Thượng thư hàm nhị phẩm²⁴. Bằng cách đó, Minh Mạng đã khéo léo tước đi vai trò của Tổng trấn Gia Định thành trong vấn đề Chân Lạp và xác lập được mối dây liên hệ trực tiếp giữa triều đình trung ương với nước bảo hộ mà không cần thông qua chính quyền Gia Định thành như trước đây. Minh Mạng còn cử Nguyễn Văn Quế, một võ tướng thân cận của mình vào Gia Định quản lý biên binh Gia Định. Nhưng quan trọng nhất là từ đây, tất cả tấu sớ từ Gia Định thành gửi về kinh đều phải có chữ ký của Nguyễn Văn Quế bên cạnh chữ ký của Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt²⁵. Sau đó ít lâu, các lực lượng thân cận của Lê Văn Duyệt như đội Tả Bảo và Minh Nghĩa bị buộc rời khỏi Gia Định thành tới Huế và Quảng Ngãi. Điều đó cho thấy quyền lực của Lê Văn Duyệt đang bị triều đình Huế kiểm soát ngày càng gắt gao hơn và thu hẹp lại.

Những thay đổi này của Minh Mạng đã dẫn đến xáo trộn nhất định trong chính quyền Gia Định thành. Các quan lại do triều đình phái đến không tôn trọng quyết định của người đứng đầu trấn Phiên An làm cho người dân rất bất mãn. Như năm 1831, trấn thủ Phiên An và hai thuộc hạ trong đó có Nguyễn Thừa Giảng (đỗ kỳ thi Hương Thừa Thiên năm 1821) có ý kiến khác nhau về nhiều việc tranh chấp ở Phiên An. Trước đó những trường hợp như thế này chỉ cần quyết định cuối cùng của viên trấn thủ vì đó là quyền hạn của chức quan này, nhưng sự xáo trộn về nhân sự của chính quyền trung ương đã gây nên sự bế tắc trong giải quyết vấn đề. Trước khi triều đình cử các quan văn đảm nhận chức vụ ở Gia Định thành thì tình trạng bất hòa như vậy đã không hề xảy ra²⁶, và thực tế các quan lại triều đình mới cử vào đã gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp quản công việc ở Gia Định thành. Như trường hợp Bùi

Đức Minh vừa được triệu về kinh thì liền bị dân Chân Lạp kiện về tội tham lam trong việc bảo hộ đến nỗi đã phải mất chức không lâu sau đó²⁷.

Lê Văn Duyệt cũng thấy được những thay đổi làm xáo trộn chính quyền do ông đứng đầu. Sự củng cố quyền lực của chính quyền trung ương và sự can thiệp ngày càng mạnh mẽ của Minh Mạng vào Gia Định thành như một thông điệp cho Lê Văn Duyệt về việc triều đình sẽ xóa bỏ Gia Định thành, xóa bỏ đi một Gia Định thành Tổng trấn có quyền lực quá lớn như ông. Và việc Minh Mạng cho giải thể Bắc thành chia thành 18 tỉnh vào tháng 10 năm 1831 đã là tiếng chuông báo trước cho Lê Văn Duyệt. *Đại Nam Liệt truyện (gọi tắt là Liệt truyện)* cho biết “*Năm thứ 13 (1832), mùa xuân, Duyệt nghe Bắc thành Tổng trấn Lê Chất đã chết, các tỉnh đều đã chia hạt đặt quan thôi không đặt tổng trấn duy thành hạt Gia Định vẫn chưa một lệ cử hành. Bèn dâng sớ nói: Tôi tuổi suy sức mỏi khẩn xin cáo nghỉ và xin đem thành hạt theo chế độ mới liệu chia đặt. Vua dụ Duyệt hãy cố gắng cung chức đợi sau sẽ ra chỉ thi hành*”²⁸. Phải chăng Minh Mạng còn e dè Lê Văn Duyệt mà chưa giải thể Gia Định thành? Điều đó cũng có thể nhưng với bản tính cẩn thận của Minh Mạng, có thể ông chưa vội cắt đặt việc chia tỉnh ở Gia Định vì muốn chuẩn bị cho kỹ lưỡng, nhất là chờ những va vấp sau khi thử nghiệm tại Bắc thành. Vì thế cho nên ta thấy thời gian Minh Mạng triển khai việc chia đặt diễn ra rất nhanh sau cái chết của Lê Văn Duyệt chỉ có 3 tháng. Tháng 10 năm 1832, Minh Mạng cho giải thể Gia Định thành, chia đặt 6 tỉnh là: Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên (gọi chung là Nam kỳ lục tỉnh) và không đặt một viên quan nào cai trị chung cho cả lục tỉnh nữa. Đơn vị hành chính Gia Định thành đã chấm dứt sự tồn tại của mình từ năm 1832 sau 24 năm tồn tại (1808 - 1832).

3. Và bản án dành cho Lê Văn Duyệt

²⁴ DNLT, tập 1, Sdd, tr. 902.

²⁵ DNLT, tập 2, Sdd, tr. 152 - 153.

²⁶ Choi Byung Wook (2011), Sdd, tr. 143 - 144.

²⁷ DNLT, tập 2, Sdd, tr. 277.

²⁸ DNLT, tập 2, Sdd, tr. 462.

Nhưng câu chuyện về mối quan hệ giữa Lê Văn Duyệt và Minh Mạng chưa dừng lại sau cái chết của ông và sự giải thể Gia Định thành. Năm 1833, trước sự bức hiếp của viên Bó chánh Bạch Xuân Nguyên, kẻ “*tự nói rằng vâng mật chỉ truy xét việc riêng của Duyệt bày ra chứng cứ bắt trị liêu thuộc riêng của Duyệt*”²⁹, Lê Văn Khôi, người con nuôi của Lê Văn Duyệt, vượt ngục giết Bó chánh Bạch Xuân Nguyên, Tổng đốc Phiên An Nguyễn Văn Quế. Lê Văn Khôi phát hịch khởi binh chống Minh Mạng và tuyên bố trả thù cho Lê Văn Duyệt. Chưa đầy 10 ngày sau cuộc khởi binh bùng nổ, hàng nghìn người gia nhập lực lượng của Lê Văn Khôi. Trong vòng 3 tháng, tất cả thành trì tại Nam kỳ lục tỉnh đều bị quân của Lê Văn Khôi chiếm giữ. Cuộc khởi binh đã quy tụ đông đảo các thành phần gồm tín đồ Công giáo, người Hoa định cư và các cựu tù nhân, những thành phần trước đây đã được Lê Văn Duyệt ưu ái. Chính từ sau khi cuộc khởi binh này thất bại, chính sách cấm đạo, cấm Hoa thương của Minh Mạng mới trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Và từ năm 1837, triều đình ra lệnh cho những phạm nhân ở Bắc kỳ không còn bị lưu đày ở Nam kỳ nữa. Nhưng ba lực lượng này chỉ là những thành phần chủ chốt của cuộc khởi binh chứ không phải là lực lượng duy nhất dưới ngọn cờ của Lê Văn Khôi. Đông đảo người dân thuộc nhiều thành phần khác đã tham gia cuộc khởi binh ngay từ đầu. Minh Mạng đã diễn tả niềm cay đắng của mình trước thực tế là quá ít quan lại hoặc binh lính địa phương trung thành với triều đình vì “*không ai tử thủ cùng thành lũy khi các tỉnh thất bại*”³⁰. Minh Mạng cũng phải nhìn nhận rằng sự bất mãn của nhân dân cũng bắt nguồn từ việc “*bị các quan triều đình ngược đãi nghiêm trọng*”. Cuối năm 1833, quân triều đình chiếm lại được 5 tỉnh trừ tỉnh thành Phiên An do lực lượng Lê Văn Khôi cố thủ với thành cao hào sâu cho đến tận năm 1835. Sau cuộc khởi binh này, Minh Mạng vô cùng tức giận, quyền uy của vị hoàng đế như bị thách thức

²⁹ ĐNLT, tập 2, Sdd, tr. 463.

³⁰ Theo Choi Byung Wook, Sdd, tr. 156.

ng nghiêm trọng. Tất cả mọi tội lỗi được trút hết lên Lê Văn Duyệt, lúc này mò đã xanh cỏ. Một bản án vô tiền khoáng hậu được triều đình Minh Mạng cho “phạm nhân” đã quá cố Lê Văn Duyệt gồm 7 tội đáng chém và 2 tội xử giáo hình:

***7 tội đáng chém:**

1. Sai người riêng của mình sang Diên Điện kết ngoại giao ngầm.
2. Xin đưa thuyền Anh Cát Lợi đến kinh thành để tỏ mình có quyền.
3. Xin giết Thị vệ Trần Văn Tình để khóa miệng người khác.
4. Dâng sớ chống lại mệnh vua, có xin cho viên quan đã bỏ thụ đi nơi khác được lưu lại và điều một viên quan đi làm việc khác khi đã có chiếu chỉ tuyên triệu.
5. Kết bè đảng và xin cho Lê Chất được thêm tuổi thọ.
6. Dấu riêng những giấy đóng sẵn ấn Ngự bảo.
7. Gọi mộ tiên nhân là “lăng”, đối với người tự xưng là “cô”.

***2 tội xử giáo**

1. Cố xin dung nạp người Diên Điện để thỏa làm bậy.
2. Nói với người rằng xin được thơ phụ tiên có câu “Trần Kiều hoàng bào”³¹.

Án đưa lên, sau đó Minh Mạng ra một đạo dụ có đoạn rằng: “Tội Lê Văn Duyệt đếm tội cũng không hết, nói đến đau lòng, dù có bỏ áo quan và phanh thây cũng không oan. Song nghĩ hấn chết đã lâu trước đã chịu tội âm, lại truy đạt quan tước, còn nắm xương khô trong mã, nay cũng chẳng thềm gia hình”³². Minh Mạng lệnh cho tổng đốc Gia Định đến chỗ mộ phần của Lê Văn Duyệt san bằng mặt đất và khắc đá dựng bia ở trên viết to mấy chữ: “Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xử” (Chỗ

³¹ Nguyên văn bài thơ: “*Giúp Hán trước hơn chư tướng Hán/Phò Chu há kèm mười thần Chu/Việc Trần Kiều sau này lại gặp/Mặc áo hoàng bào chối được ư?*” ĐNLT, tập 2, Sdd, tr. 467.

³² Ban đầu, vua Minh Mạng định quật mộ, nhưng sau lại thôi, vì có lời tha thiết xin ân giảm của Vũ Xuân Cẩn. ĐNLT, tập 4, Sdd, tr. 815.

này là nơi tên quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp). Ngoài ra, mộ cha mẹ ông ở Long Hưng (nay thuộc Châu Thành, Tiền Giang) cũng bị đục bỏ tước hiệu khắc trên bia. Theo báo cáo của tỉnh Gia Định vào năm 1836, tỉnh này đã có 1.360 người tham gia khởi binh bị tổng giam. Ít nhất 1.200 người đàn ông và phụ nữ thuộc mọi lứa tuổi bị bắt và thiêu sống trong một ngôi mộ lớn ở gần thành Phiên An khi thành này thất thủ³³ mà trước đây hay được gọi là Đồng mã Ngụy³⁴. Một bản án quá khắc nghiệt cho người đã khuất như Lê Văn Duyệt và lực lượng tham gia khởi binh của Lê Văn Khôi.

Từ cuộc khởi binh Lê Văn Khôi, triều đình cho rằng Lê Văn Duyệt là người nuôi dưỡng mầm họa khi thu phục Lê Văn Khôi và cho phép giám mục phương Tây tự do truyền đạo quy phạm quy chế của triều đình. Đồng thời Lê Văn Duyệt còn dung dưỡng cho bọn tù nhân, bọn phản loạn vào Nam dưới danh nghĩa các đội lính Thanh Thuận, An Thuận, Bắc Thuận, Hồi Lương. Về bản án của Minh Mạng dành cho Lê Văn Duyệt, nhiều nhà nghiên cứu cho là xuất phát từ các mâu thuẫn cá nhân giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt từ chuyện sách lập hoàng tử Đảm làm Thái tử cho đến bản án của Huỳnh Công Lý. Nhưng như trên đã đề cập, các mâu thuẫn nói trên đã đủ cơ sở thuyết phục. Trong chừng mực nào đó, bản án của Minh Mạng dành cho Lê Văn Duyệt sau khi chết có thể xuất phát từ chuyện đế quyền của Minh Mạng bị thách thức nghiêm trọng bởi cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi. Đây là cuộc khởi binh quy mô lớn nhất, nghiêm trọng nhất diễn ra ngay sau khi Minh Mạng vừa tiến hành cuộc cải cách hành chính củng cố quyền lực triều đình trung ương. Cuộc khởi binh này như một đòn giáng xuống ý chí tập trung quyền lực của Minh Mạng ngay trên đất Nam kỳ, nơi dựng nghiệp của triều Nguyễn. Một cuộc tạo phản không thể nào chấp nhận được với một vị vua vừa mới tiến hành

tập trung quyền lực quốc gia vào tay mình. Nhân con giận dữ của nhà vua, triều thần vốn không ưa Lê Văn Duyệt bèn dâng sớ hạch những tội tương chừng như vô lý. Sứ thần Trần Trọng Kim cũng cho rằng “*cứ bình tình mà xét, thì chẳng qua là vua Thành tổ vốn có ý không ưa hai ông ấy, rồi đình thần nhân đó mà bôi việc ra để chiêu ý ngài, cho nên thành ra cái án thật không đáng*”³⁵.

Cũng từ cuộc khởi binh Lê Văn Khôi và mối quan hệ giữa Lê Văn Khôi và Lê Văn Duyệt, các nhà sử học hiện đại có nhiều ý kiến khác nhau. Trong đó có hai vấn đề sau đây:

Vấn đề thứ nhất, các nhà sử học cho rằng cuộc khởi binh Lê Văn Khôi là sự tiếp nối mưu đồ của Lê Văn Duyệt. Họ cho rằng Lê Văn Duyệt là người đại diện cho xu thế cát cứ tại địa phương, âm thầm chống lại Minh Mạng và Lê Văn Khôi là người tiếp nối cho ý nguyện không thành của Lê Văn Duyệt. Có thể Lê Văn Khôi đi theo Lê Văn Duyệt vào khoảng thời gian tương đương với việc đầu hàng của Quách Tất Thúc và hai con của Tất Thúc là Tất Công và Tất Tại được Lê Văn Duyệt cho đi theo quân thứ. Việc Lê Văn Duyệt lôi kéo Khôi và các thủ lĩnh họ Quách cũng như việc Duyệt thu hút nghĩa quân lập thành hai cơ binh Thanh Thuận và An Thuận nằm trong mưu đồ sâu xa của Duyệt nhằm xây dựng vây cánh chuẩn bị chống lại triều đình Minh Mạng. Sách *Bản triều bạn nghịch liệt truyện* cho rằng khi Lê Văn Duyệt ra bình định vùng Thanh Nghệ thì Lê Văn Khôi cũng đang chờ cơ hội ra trình diện quan triều đình, thậm chí đã mộ sẵn quân lính để theo quan binh đi đánh dẹp các cuộc nổi dậy³⁶. Dựa vào sách này, có tác giả khẳng định rằng, “*chắc chắn Lê Văn Khôi đã nhìn thấy ở Duyệt con người cùng chung một ý đồ (tuy động cơ và chủ đích có thể khác nhau). Nhưng cho đến chết (1832), Lê Văn Duyệt vẫn không thực hiện được mưu đồ của mình. Còn Lê Văn Khôi thì đã biến*

³³ Theo Choi Byung Wook (2011), Sđd, tr. 159.

³⁴ Theo Vương Hồng Sên (1992), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM, tr. 180.

³⁵ Trần Trọng Kim (1971), *Việt Nam sử lược*, tập 2, Trung tâm Học liệu Sài Gòn, tr. 273.

³⁶ Theo Nguyễn Phan Quang (1999), *Việt Nam thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 234.

*được ý định nung nấu từ những ngày ở Hà Quảng, Nông Thông cũng như những cố gắng dở dang của ông ở Thanh Hóa, Hòa Bình thành hiện thực với “sự biến thành Phiên An” năm 1833*³⁷.

GS. Lê Thành Khôi cũng cho rằng, “thái độ có dáng vẻ như muốn độc lập của Lê Văn Duyệt quả đã làm cho Minh Mạng không mấy an lòng. Biện pháp tập trung này được áp dụng tại một nơi cho tới nay vẫn được ảnh hưởng một thứ quy chế gần như tự trị và những lạm dụng của một số quan chức mới do Huế gửi đến đã dẫn đến cuộc nổi dậy vào năm 1833 của tổng hành dinh cũ của Lê Văn Duyệt”³⁸. Còn theo GS. Trần Văn Giàu thì Lê Văn Duyệt và phe cánh muốn tách Nam kỳ ra khỏi chính quyền trung ương của Minh Mạng, thực hiện chủ trương “địa phương phân quyền”³⁹.

Chúng tôi thiên nghĩ, Lê Văn Duyệt không hề có ý định cát cứ. Chính nhân cách và tính cương trực, khảng khái của ông dù có đôi lúc làm vua phật ý nhưng tất cả đều xuất phát từ tấm lòng vì dân vì nước, không gợn một chút niềm riêng. Có thể Lê Văn Duyệt là một võ tướng quen với việc tướng tại ngoại bất tuân thượng lệnh cộng thêm quyền lực mà triều đình giao cho Tổng trấn Gia Định thành quá lớn khiến đôi lúc Lê Văn Duyệt có nhiều chủ trương khác với triều đình Huế, nhưng không thể vì thế mà nói rằng Lê Văn Duyệt có ý chống Gia Long hay Minh Mạng. Thái độ của Lê Văn Duyệt xung quanh chuyện lên ngôi trừ nhị của Minh Mạng đã cho thấy điều đó. Nếu Lê Văn Duyệt là người muốn cát cứ thì tại sao hai lần treo ấn từ chức nhất là sau khi biết được việc bãi bỏ Bắc thành chia thành tỉnh hạt?

Vấn đề thứ hai chính là mối quan hệ giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt, và mối quan hệ giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt có thực chất căng thẳng đến

mức đủ để Lê Văn Duyệt phản lại lời phó thác trước lúc lâm chung của Gia Long? Trong suốt thời gian Lê Văn Duyệt tại triều, Minh Mạng hết sức khoan đãi, ban thưởng nhiều ân điển mà ngay cả hoàng thân quốc thích đương thời cũng không có được. Những lời phán xét Lê Văn Duyệt chỉ xảy ra sau vụ biến của Lê Văn Khôi mà thôi. Do đó có thể nói, mối quan hệ giữa Lê Văn Duyệt với Minh Mạng đương thời không đủ để ông bỏ đi chữ trung nghĩa để mưu đồ làm phản.

Nhìn chung, dù di sản của Lê Văn Duyệt vẫn còn nhiều tranh cãi nhất định, nhưng không thể phủ nhận những công lao của ông đối với vùng đất Gia Định. Dù bị triều đình cấm đoán nhưng nhân dân Gia Định vẫn dành cho Lê Văn Duyệt một sự kính trọng to lớn. Năm 1868, trước lời tâu của Vũ Xuân Cẩn, Tự Đức xuống chiếu xóa tội cho Lê Văn Duyệt, truy phục nguyên hàm cho thờ vào Trung hưng công thần miếu, truy lục con cháu hưởng ruộng đất thừa tự để lo việc thờ cúng. Ngày nay phần mộ của Lê Văn Duyệt được nhân dân tôn kính gọi là Lăng Ông.

4. Lời kết

Từ mối quan hệ giữa Gia Long – Lê Văn Duyệt – Minh Mạng ta có thể thấy Lê Văn Duyệt là một trong những đại thần tin cậy nhất của hai vua đầu triều Nguyễn. Gia Long đã giao cho Lê Văn Duyệt một nhiệm vụ hết sức đặc biệt khi lâm chung là phải nhận di chiếu phò tá Minh Mạng, và Lê Văn Duyệt đã hoàn thành lời phó thác của Gia Long. Ông một lòng tận trung báo quốc, trung can nghĩa đảm, sẵn sàng vì dân mà chém đầu bọn tham quan ô lại bất kể chúng là ai. Giữa ông và vua Minh Mạng dù có xảy ra một vài bất đồng trong các vấn đề trị nước nhưng đó không phải là nguyên nhân dẫn đến bán án khốc liệt mà Lê Văn Duyệt và gia đình ông phải nhận. Lê Văn Duyệt càng không có tư tưởng muốn cát cứ để chống lại Minh Mạng cho đến cuối đời.

Nhìn chung có thể thấy rõ được sự vận động trong mối quan hệ chính trị giữa Lê Văn Duyệt và Minh Mạng trong quá trình tập trung quyền lực thời

³⁷ Nguyễn Phan Quang (1999), Sđd, tr. 234.

³⁸ Lê Thành Khôi (2014), Sđd, tr.434.

³⁹ Theo Trần Văn Giàu (2003), *Sự phát triển lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng 8*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.1078.

Minh Mạng. Từ việc phân đối phương án đưa hoàng tử Đảm lên ngôi năm 1810, Lê Văn Duyệt đã dần ngã về phía vua Gia Long, củng cố vị trí kế thừa ngai vàng của hoàng tử Đảm trong những năm về sau. Sự trung thành và cá tính vốn có, Lê Văn Duyệt đã dành được sự ưu ái của Minh Mạng dù trong việc trị nước có nhiều vấn đề Lê Văn Duyệt có cách làm khác với Minh Mạng. Việc Minh Mạng giải thể Gia Định thành để thống nhất quản lý hành chính trong cả nước, tập trung quyền hành vào tay chính quyền trung ương mà trên hết là vua, là một tất yếu của lịch sử. Dù Lê Văn Duyệt có còn sống hay không thì chuyện đó cũng phải xảy ra, và ông cũng là người ủng hộ chuyện đó qua bản tấu từ quan không lâu trước khi qua đời. Trong tiến trình của quá trình tập trung quyền lực của chính quyền trung ương thời Minh Mạng, mối quan hệ giữa

Minh Mạng và Lê Văn Duyệt có sức tác động rất lớn. Minh Mạng đã hết sức khôn khéo trong việc điều hòa mối quan hệ với vị trọng thần này trong khi tiến hành cắt giảm quyền hành của viên Tổng trấn, tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương. Và bản án khắc nghiệt dành cho Lê Văn Duyệt không phải là kết quả của sự mâu thuẫn cá nhân giữa hai nhân vật này như nhiều tài liệu trước đây đã đề cập. Mối quan hệ giữa Minh Mạng và Lê Văn Duyệt đại diện cho hai xu thế trong tiến trình tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương thời Minh Mạng. Việc tập trung quyền lực thời Minh Mạng là một thực tế khách quan trọng quá trình xây dựng chính quyền trung ương vững mạnh sau hơn 30 năm thành lập vương triều Nguyễn, đáp ứng được đòi hỏi bấy giờ của lịch sử.

The relationship between Le Van Duyet and Minh Mang in the first 30 years of the power concentration process in the Nguyen Dynasty

- Tran Thuan
- Vo Phuc Toan

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Upon founding the dynasty, Gia Long upheld a politico-military on a vast territory with two administrative units of power ruling over the two areas now named the North and South of Vietnam respectively. Gia Dinh Citadel – the administrative unit ruling the South of Vietnam with a very important role in economy, national defense, and diplomacy – was headed by Le Van Duyet. In the first 30 years of the Nguyen Dynasty, along with the transfer of power from

the Gia Long to the Minh Mang was the position assertion of Le Van Duyet in Gia Dinh Citadel, making him one of the most powerful figures. However, the transfer of the throne also marked the concentration of power into the hands of the central government ruled by the emperor; thus, leading to the elimination of administrative units upholding great power such as Gia Dinh Citadel. This process took place in a quite complex manner due to

intrinsic problems revolving around the relationship between Minh Mang and Le Van Duyet – the relationship between a king and a high-ranking mandarin with great power. The

paper describes the maneuver of political relations between the two characters in the 30 years of power concentration from a fresher point of view.

Keywords: *Le Van Duyet, Minh Mang, Gia Dinh Citadel, The governor-general of Gia Dinh Citadel, concentration of power, Nguyen Dynasty*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thế Anh (2006), *Kinh tế và xã hội dưới các vua triều Nguyễn*, Nxb. Văn học.
- [2]. Đỗ Bang (1998), *Khảo cứu kinh tế và bộ máy nhà nước triều Nguyễn – Những vấn đề đặt ra hiện nay*, Nxb. Thuận Hóa.
- [3]. Trần Trọng Kim (1971), *Việt Nam sử lược, tập 2*, Trung tâm Học liệu Sài Gòn.
- [4]. Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế giới.
- [5]. Trần Văn Giàu (2003), *Sự phát triển lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [6]. Hội đồng trị sự Nguyễn Phước Tộc (1995), *Nguyễn Phước Tộc thế phả*, Nxb. Thuận Hóa.
- [7]. Phan Phát Huồn (1965), *Việt Nam giáo sử, Cứu thế tùng thư*, Sài Gòn
- [8]. Nhiều tác giả (1998), *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn*, Nxb. Thuận Hóa, Tp. HCM.
- [9]. Nguyễn Tường Phụng (1950), *Lược khảo binh chế Việt Nam qua các đời*, Nxb. Ngày Mai, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Phan Quang (1991), *Cuộc khởi binh của Lê Văn Khôi (1833 - 1835)*, Tp. HCM.
- [11]. Nguyễn Phan Quang (1999), *Việt Nam thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [12]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, tập 1*, Nxb. Giáo dục.
- [13]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, tập 2*, Nxb. Giáo dục.
- [14]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, tập 3*, Nxb. Giáo dục.
- [15]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục, tập 4*, Nxb. Giáo dục.
- [16]. Vương Hồng Sển (1992), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM.
- [17]. R. B. Smith, “Politics and Society in Viet-Nam during the Early Nguyen Period (1802 - 1862)”, tạp chí *Journal of the Royal Asiatic Society of Great Britain and Ireland*, số 2 năm 1974.
- [18]. Tạp chí Xưa và Nay (2002), *Lê Văn Duyệt với vùng đất Nam bộ*, Nxb. Trẻ.
- [19]. Tạp chí Xưa và Nay (2002), *Những vấn đề lịch sử triều Nguyễn*, Nxb. Trẻ.
- [20]. Nguyễn Minh Tường (1996), *Cải cách hành chính dưới thời Minh Mệnh (1820 - 1840)*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [21]. Tạ Chí Đại Trường (2012), *Lịch sử nội chiến Việt Nam 1776 - 1802*, Nxb. Tri thức.
- [22]. Phan Thúc Trục (2009), *Quốc sử di biên*, Nxb. Văn hóa – Thông tin.
- [23]. Choi Byung Wook (2011), *Vùng đất Nam bộ thời Minh Mạng*, Nxb. Thế giới.